

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 21 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 02 năm 2025.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nùng Thị L - Sinh năm: 1997;

2. Anh Kiều Văn D - Sinh năm: 1993;

Cùng địa chỉ: bản X, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D tự do tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 15/3/2016. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 17 ngày 15/3/2016 của UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu cấp cho chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D xác nhận hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng 5 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận chị L và anh D thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và

anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/02/2025 giữa chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D xác định chị L và anh D thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D có 01 con chung là cháu Kiều Thị Khánh L1, sinh ngày 10/10/2016, chị L và anh D thỏa thuận:

Chị Nùng Thị L là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Kiều Thị Khánh L1, sinh ngày 10/10/2016 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Kiều Văn D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung được sống chung với chị Nùng Thị L.

Chị Nùng Thị L có quyền yêu cầu anh Kiều Văn D và các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Kiều Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên khi ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung. Sự thỏa thuận của các đương sự đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D có 01 con chung là cháu Kiều Thị Khánh L1, sinh ngày 10/10/2016. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con sau khi ly hôn:

Giao cho chị Nùng Thị L là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Kiều Thị Khánh L1, sinh ngày 10/10/2016

cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Kiều Văn D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung được sống chung với chị Nùng Thị L.

Chị Nùng Thị L có quyền yêu cầu anh Kiều Văn D và các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Kiều Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó người yêu cầu là chị Nùng Thị L và anh Kiều Văn D mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị là: chị Nùng Thị L chịu toàn bộ lệ phí thay anh Kiều Văn D, anh D nhất trí. Xác nhận chị Nùng Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí, lệ phí toà án ký hiệu: BLTU/24 số: 0000002 ngày 22/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CCTHADS huyện Than Uyên;
- Đương sự;
- UBND xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Thị Mỹ Hằng